

Số: /QĐ-SYT

Hà Nam, ngày tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh giấy phép hoạt động và phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật chuyên môn đối với Trung tâm Y tế huyện Lý Nhân

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật khám, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 51/2023/QĐ-UBND ngày 26/10/2023 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Hà Nam;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y-Dược, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trung tâm Y tế huyện Lý Nhân (địa chỉ: Thị trấn Vĩnh Trụ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam) tăng quy mô từ 120 giường bệnh lên 131 giường bệnh, cụ thể như sau:

- Khoa Hồi sức cấp cứu-Nhi: 34 giường
- Khoa Ngoại-chuyên khoa: 16 giường
- Khoa Nội: 34 giường
- Khoa Y học cổ truyền-Phục hồi chức năng: 18 giường
- Khoa Truyền nhiễm: 22 giường
- Khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản: 7 giường

Điều 2. Trung tâm Y tế huyện Lý Nhân được bổ sung 13 (mười ba) danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh theo quy định tại Thông tư số 23/2024/TT-BYT. (danh mục kèm theo)

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành. Trung tâm Y tế huyện Lý Nhân phải thực hiện đúng phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật được Sở Y tế Hà Nam phê duyệt và theo đúng quy định của pháp luật có liên quan về hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 4. Trưởng phòng Nghiệp vụ Y-Dược, Trưởng các phòng chức năng Sở Y tế, Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Lý Nhân và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND huyện Lý Nhân;
- Các đ/c Phó Giám đốc Sở;
- Lưu VT, NVYD.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trọng Khải

DANH MỤC KỸ THUẬT
TRONG KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH THỰC HIỆN TẠI
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LÝ NHẬN
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-SYT ngày /.../2025 của
Giám đốc Sở Y tế tỉnh Hà Nam)

| STT (cột 1) | Mã kỹ thuật theo TT 23 (cột 2) | Tên chương (cột 3) | Tên kỹ thuật (cột 4) |
|----------------|--|-----------------------|--|
| 1 | 2.259 | 02. NỘI KHOA | Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm không sinh thiết |
| 2 | 2.260 | 02. NỘI KHOA | Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có dùng thuốc tiền mê |
| 3 | 2.261 | 02. NỘI KHOA | Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có dùng thuốc gây mê |
| 4 | 15.43 | 15. TAI MŨI HỌNG | Phẫu thuật cắt bỏ u ống tai ngoài |
| 5 | 15.45 | 15. TAI MŨI HỌNG | Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai, u bã đậu dái tai |
| 6 | 15.46 | 15. TAI MŨI HỌNG | Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ |
| 7 | 15.49 | 15. TAI MŨI HỌNG | Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ |
| 8 | 15.50 | 15. TAI MŨI HỌNG | Trích rạch màng nhĩ |
| 9 | 15.52 | 15. TAI MŨI HỌNG | Bơm hơi vòi nhĩ |
| 10 | 15.55 | 15. TAI MŨI HỌNG | Nội soi lấy dị vật tai gây mê/[gây tê] |
| 11 | 15.134 | 15. TAI MŨI HỌNG | Nâng xương chính mũi sau chấn thương |
| 12 | 15.142 | 15. TAI MŨI HỌNG | Cầm máu mũi bằng vật liệu cầm máu |
| 13 | 15.361 | 15. TAI MŨI HỌNG | Phẫu thuật cắt u vùng họng miệng |

Tổng số: 13 danh mục kỹ thuật.